

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý tài chính
của Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ về quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số; Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015; nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018; nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 486/TTr-STC ngày 13/10/2022 và ý kiến tham gia của Sở Tư pháp tại Văn bản số 1095/STP-VB&XLVPHC ngày 26/10/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý tài chính của Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 4164/QĐ-UBND ngày 08/11/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty, Kiểm soát viên Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- Lưu: VT, K3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tự Công Hoàng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG TY TNHH XỔ SỐ KIẾN THIẾT BÌNH ĐỊNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND
ngày / / 2022 của UBND tỉnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Quy chế này quy định việc quản lý tài chính đối với Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định.
2. Ngoài những nội dung quy định tại Quy chế này, các nội dung khác thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định (sau đây viết tắt là Công ty).
2. Tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Áp dụng pháp luật liên quan

Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định hoạt động kinh doanh chính là phát hành và tiêu thụ vé xổ số kiến thiết, là loại hình kinh doanh đặc thù nên thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ và các Bộ ngành có liên quan. Ngoài ra, Công ty có trách nhiệm thực hiện các quy định về quản lý tài chính của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ và quản lý vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác theo quy định của Chính phủ, các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Chủ sở hữu Công ty” là Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.
2. “Vốn điều lệ của Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định” là vốn do Nhà nước đầu tư và được ghi tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định.
3. “Người quản lý Công ty” bao gồm Chủ tịch, Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định

Các từ ngữ khác trong Quy chế này đã được giải nghĩa trong Bộ luật dân sự, Luật doanh nghiệp, Luật quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

Chương II **QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY**

Mục 1 **QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN**

Điều 5. Vốn của Công ty

Vốn của Công ty bao gồm vốn do Nhà nước đầu tư tại Công ty, vốn do Công ty tự huy động và các loại vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ là mức vốn cần thiết được Chủ sở hữu Công ty đầu tư để thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của Công ty, được ghi trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

2. Trong quá trình hoạt động, Công ty có nhu cầu tăng vốn điều lệ sẽ căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển và mở rộng quy mô nguồn bổ sung vốn điều lệ, xây dựng phương án trình Chủ sở hữu Công ty xem xét phê duyệt theo quy định của pháp luật. Mức vốn điều lệ điều chỉnh tăng thêm được xác định tối thiểu cho 3 năm kể từ năm quyết định điều chỉnh vốn điều lệ.

Hồ sơ, thủ tục và trình tự đầu tư bổ sung vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; khoản 4 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và khoản 7 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Khi xác định nhu cầu vốn điều lệ cần tăng thêm để phục vụ hoạt động kinh doanh xổ số thì ngoài các dự án đầu tư phục vụ cho hoạt động kinh doanh xổ số, Công ty được tính số vốn cần thiết để sử dụng trả thưởng cho khách hàng đối với các loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

4. Nguồn bổ sung vốn điều lệ của Công ty:

- a) Quỹ đầu tư phát triển;
- b) Từ nguồn tiếp nhận tài sản, tăng vốn chủ sở hữu tại Công ty theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;
- c) Các nguồn vốn bổ sung khác theo quy định của pháp luật.

5. Công ty có trách nhiệm thực hiện điều chỉnh lại mức vốn điều lệ trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bằng mức vốn thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 7. Huy động vốn

Công ty chỉ được huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước theo các quy định hiện hành của Nhà nước để phục vụ kinh doanh theo nguyên tắc không được làm thay đổi hình thức sở hữu Công ty. Công ty chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn huy động, hoàn trả vốn và lãi vay cho chủ nợ theo quy định.

1. Nguyên tắc huy động vốn:

- a) Căn cứ chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Phương án huy động vốn phải bảo đảm hiệu quả và khả năng thanh toán nợ;
- c) Người phê duyệt phương án huy động vốn chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra bảo đảm vốn huy động được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả;
- d) Việc huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước phải thực hiện thông qua hợp đồng vay vốn với tổ chức, cá nhân theo các quy định hiện hành của Nhà nước. Trường hợp vay vốn từ nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước thì thực hiện theo quy định của pháp luật về tín dụng đầu tư phát triển và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Mục đích huy động vốn:

Công ty chỉ được phép huy động vốn đầu tư kinh doanh xổ số và các dịch vụ liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh xổ số.

3. Thẩm quyền huy động vốn:

- a) Chủ tịch Công ty quyết định phương án huy động vốn đối với từng dự án có mức huy động không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công.

Việc huy động vốn phục vụ kinh doanh phải bảo đảm tổng số nợ phải trả không quá ba lần vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp được ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn.

Vốn chủ sở hữu ghi trên bảng cân đối kế toán trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty được xác định không bao gồm chỉ tiêu

“nguồn kinh phí và quỹ khác”.

Nợ phải trả ghi trên bảng cân đối kế toán trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty được xác định không bao gồm các chỉ tiêu: “Quỹ khen thưởng, phúc lợi”, “Quỹ bình ổn giá”, “Quỹ phát triển khoa học và công nghệ”.

Chủ tịch Công ty ủy quyền cho Giám đốc quyết định phương án huy động vốn thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty.

b) Trường hợp huy động vốn trên mức quy định tại điểm a khoản này, Chủ tịch Công ty quyết định sau khi đề nghị và được chủ sở hữu Công ty phê duyệt chủ trương.

Điều 8. Đầu tư vốn ra ngoài Công ty

1. Công ty chỉ được đầu tư vốn ra bên ngoài đối với các ngành nghề liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh xỏ số. Việc sử dụng vốn, tài sản, quyền sử dụng đất của Công ty để đầu tư ra ngoài Công ty phải tuân thủ theo quy định của Luật quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan; phù hợp với chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty.

2. Hình thức đầu tư vốn ra ngoài Công ty:

a) Góp vốn để thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn; góp vốn thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới;

b) Mua cổ phần tại công ty cổ phần, mua phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh;

c) Mua toàn bộ doanh nghiệp khác;

d) Mua công trái, trái phiếu.

3. Các trường hợp không được đầu tư ra ngoài Công ty:

a) Góp vốn, mua cổ phần, mua toàn bộ doanh nghiệp khác mà người quản lý, người đại diện tại doanh nghiệp đó là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty;

b) Góp vốn cùng công ty con để thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh;

c) Không được góp vốn hoặc đầu tư vào lĩnh vực bất động sản, không được góp vốn, mua cổ phần tại ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư chứng khoán hoặc công ty đầu tư chứng khoán.

4. Công ty không được sử dụng tài sản do Công ty đang đi thuê hoạt động, đi mượn, nhận giữ hộ, nhận gia công, nhận bán đại lý, ký gửi để đầu tư ra ngoài Công ty.

5. Thẩm quyền quyết định đầu tư vốn ra ngoài Công ty:

a) Chủ tịch Công ty quyết định từng dự án đầu tư ra ngoài Công ty với giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công.

Chủ tịch Công ty phân cấp cho Giám đốc Công ty quyết định các dự án đầu tư ra ngoài Công ty thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty;

b) Trường hợp dự án đầu tư ra ngoài Công ty có giá trị lớn hơn mức quy định tại điểm a khoản này, dự án góp vốn liên doanh của doanh nghiệp với nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, dự án đầu tư vào doanh nghiệp khác để cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, Chủ tịch Công ty báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, phê duyệt.

Điều 9. Quản lý sử dụng vốn, bảo toàn vốn

1. Công ty có trách nhiệm quản lý, sử dụng có hiệu quả toàn bộ số vốn do Chủ sở hữu đầu tư và các nguồn vốn hoạt động hợp pháp khác để phục vụ cho hoạt động kinh doanh xổ số và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh xổ số theo quy định của pháp luật.

2. Công ty có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu đã đầu tư tại Công ty. Mọi biến động về tăng, giảm vốn chủ sở hữu, Công ty phải báo cáo Chủ sở hữu và cơ quan tài chính để theo dõi, giám sát. Việc bảo toàn vốn chủ sở hữu tại Công ty được thực hiện bằng các biện pháp sau đây:

a) Thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo quy định của pháp luật.

b) Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật.

c) Xử lý kịp thời giá trị tài sản tồn thất, các khoản nợ không có khả năng thu hồi và trích lập các khoản dự phòng rủi ro sau đây:

- (i) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- (ii) Dự phòng nợ phải thu khó đòi;
- (iii) Dự phòng tồn thất các khoản đầu tư;
- (iv) Dự phòng rủi ro trả thưởng.

d) Các biện pháp khác về bảo toàn vốn nhà nước tại Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Nguyên tắc trích lập các khoản dự phòng

a) Các khoản dự phòng trên được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ báo cáo năm để bù đắp tồn thất có thể xảy ra trong kỳ báo cáo năm sau; đảm bảo cho Công ty phản ánh giá trị hàng tồn kho, các khoản đầu tư không cao hơn giá trên thị trường và giá trị của các

khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm. Riêng việc trích lập, sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng thực hiện theo hướng dẫn Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ về quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số; Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

b) Công ty xây dựng quy chế về quản lý vật tư, hàng hóa, quản lý công nợ trong kinh doanh để hạn chế rủi ro; xác định rõ trách nhiệm của từng bộ phận, từng cá nhân trong việc theo dõi, quản lý thu hồi công nợ.

4. Định kỳ hàng năm, Công ty đánh giá mức độ bảo toàn vốn của doanh nghiệp. Phương pháp đánh giá như sau:

a) Sau khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp không phát sinh lỗ hoặc có lãi: Công ty bảo toàn vốn.

b) Trường hợp sau khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định, kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ (bao gồm trường hợp còn lỗ lũy kế): Công ty không bảo toàn được vốn.

Điều 10. Quản lý các khoản nợ phải trả

1. Công ty có trách nhiệm mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả gồm cả các khoản lãi phải trả, các thông tin liên quan đến phạt chậm trả, thông tin liên quan đến người cho vay và thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn đã cam kết. Thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ của Công ty, phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ để có giải pháp khắc phục kịp thời, không để phát sinh các khoản nợ quá hạn.

2. Trường hợp quản lý để phát sinh nợ phải trả quá hạn, nợ không có khả năng thanh toán thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà Người quản lý Công ty, Kiểm soát viên, người lao động có liên quan phải bồi thường thiệt hại và bị xử lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty.

3. Công ty chỉ được chi các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Người quản lý Công ty, Kiểm soát viên và các cá nhân có liên quan đến khoản nợ sau khi thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả (tính theo thời hạn trả nợ ban đầu, không kể thời gian gia hạn trả nợ).

Mục 2

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN

Điều 11. Tài sản của Công ty

1. Tài sản của Công ty bao gồm các tài sản ngắn hạn (như tiền, hàng tồn kho, các tài sản ngắn hạn khác) và các tài sản dài hạn (như tài sản cố định, bất động sản đầu tư các khoản phải thu dài hạn, tài sản dài hạn khác).

2. Công ty phải xây dựng Quy chế quản lý sử dụng tài sản để đảm bảo sử

dụng tài sản có hiệu quả, tránh để lãng phí, ứ đọng, không cần dùng, thất thoát, kém, mất phẩm chất, lạc hậu kỹ thuật; tổ chức hạch toán phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời; tổ chức kiểm kê, đối chiếu theo định kỳ hoặc theo yêu cầu của chủ sở hữu; thực hiện đầu tư tài sản cố định, quản lý và sử dụng tài sản theo quy định.

Điều 12. Tài sản cố định (TSCĐ)

1. TSCĐ của Công ty bao gồm: TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình. Tiêu chuẩn và nguyên giá TSCĐ được xác định theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Những khoản chi không đồng thời thỏa mãn các tiêu chuẩn để hình thành TSCĐ thì được hạch toán trực tiếp hoặc được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo quy định hiện hành.

3. Khấu hao TSCĐ: TSCĐ của Công ty được quản lý, sử dụng theo quy định của Nhà nước. Mức trích khấu hao theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 13. Quản lý, sử dụng tài sản cố định

1. Công ty chịu trách nhiệm xây dựng, ban hành, thực hiện Quy chế quản lý và sử dụng tài sản cố định trong quá trình hoạt động kinh doanh theo đúng quy định về quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

2. Quy chế quản lý và sử dụng tài sản cố định của Công ty ban hành phải quy định rõ trách nhiệm trong phối hợp giữa các bộ phận và của từng bộ phận, cá nhân liên quan trong theo dõi, quản lý và sử dụng tài sản của Công ty.

3. Công ty được quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản cố định theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn; nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng, không sử dụng được hoặc sử dụng không hiệu quả để thu hồi vốn.

Điều 14. Đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định của Công ty

1. Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định:

Căn cứ chiến lược, kế hoạch các dự án đầu tư phát triển 5 năm và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt:

a) Chủ tịch Công ty quyết định từng dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định với giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trong Báo cáo tài chính quý hoặc Báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công.

Chủ tịch Công ty ủy quyền cho Giám đốc Công ty quyết định các dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty.

b) Trường hợp dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định có giá trị

lớn hơn mức quy định tại điểm a khoản này, Chủ tịch Công ty báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, phê duyệt.

2. Trình tự, thủ tục đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Quy định đối với một số trường hợp cụ thể:

a) Đối với đầu tư, mua sắm tài sản cố định do Công ty thực hiện, quá trình đầu tư xây dựng phải thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về xây dựng, pháp luật về đấu thầu và các quy định khác liên quan.

b) Đối với đầu tư, mua sắm tài sản cố định là trang thiết bị, máy móc... Công ty phải thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước về đấu thầu và các quy định khác liên quan.

c) Đối với việc đầu tư, mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại (xe ô tô) phục vụ công tác, Công ty phải thực hiện đúng tiêu chuẩn, định mức mua sắm, sử dụng phục vụ công tác bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả theo quy định hiện hành.

Việc trang bị hoặc thay thế phương tiện đi lại do Chủ tịch Công ty quyết định theo thẩm quyền.

4. Người quyết định dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật nếu quyết định không đúng thẩm quyền hoặc tài sản cố định được đầu tư, xây dựng, mua, bán không sử dụng được, sử dụng không hiệu quả.

Điều 15. Khấu hao tài sản cố định

1. Nguyên tắc trích khấu hao

Tất cả các tài sản cố định hiện có của Công ty đều phải trích khấu hao trừ một số tài sản sau:

a) Tài sản cố định đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn đang sử dụng vào hoạt động kinh doanh;

b) Tài sản cố định khấu hao chưa hết bị mất;

c) Tài sản cố định khác do Công ty quản lý mà không thuộc quyền sở hữu của công ty (trừ tài sản cố định thuê tài chính);

d) Tài sản cố định không được quản lý, theo dõi, hạch toán trong sổ sách kế toán của Công ty;

đ) Tài sản cố định sử dụng trong các hoạt động phúc lợi phục vụ người lao động của Công ty (trừ các tài sản cố định phục vụ cho người lao động làm việc tại Công ty như: Nhà nghỉ giữa ca, nhà ăn giữa ca, nhà thay quần áo, nhà vệ sinh, bể chứa nước sạch, nhà để xe, xe đưa đón người lao động, nhà ở cho người lao động do Công ty đầu tư xây dựng).

e) Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất lâu dài hợp pháp.

2. Công ty thực hiện việc quản lý, sử dụng, thời gian khấu hao và mức trích khấu hao tài sản cố định theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 16. Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

1. Công ty được quyền chủ động và thực hiện việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu về kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được để thu hồi vốn trên nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thẩm quyền quyết định việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định:

a) Chủ tịch Công ty quyết định các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản có giá trị còn lại dưới 50% vốn chủ sở hữu ghi trên bản cân đối kế toán trong Báo cáo tài chính quý hoặc Báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định thanh lý, nhượng bán tài sản nhưng không quá mức dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công.

Vốn chủ sở hữu ghi trên bảng cân đối kế toán trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp nhà nước được xác định không bao gồm chỉ tiêu “nguồn kinh phí và quỹ khác”.

Chủ tịch Công ty ủy quyền cho Giám đốc Công ty quyết định các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty.

b) Các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị lớn hơn mức quy định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty thì Chủ tịch Công ty báo cáo Chủ sở hữu Công ty quyết định.

c) Trường hợp phương án nhượng bán tài sản cố định của Công ty không có khả năng thu hồi đủ vốn đã đầu tư, Công ty phải giải trình rõ nguyên nhân không có khả năng thu hồi vốn, báo cáo Chủ sở hữu Công ty và cơ quan tài chính cùng cấp trước khi nhượng bán tài sản cố định để thực hiện giám sát.

d) Riêng trường hợp tài sản cố định mới đầu tư mua sắm đã hoàn thành đưa vào sử dụng trong thời gian 03 năm đầu nhưng không đạt hiệu quả kinh tế theo dự án đầu tư đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, Công ty không có nhu cầu tiếp tục khai thác sử dụng mà nhượng bán tài sản không có khả năng thu hồi đủ vốn đầu tư dẫn tới không trả được nợ vay theo kế ước hoặc hợp đồng vay vốn thì phải làm rõ trách nhiệm của những người có liên quan để báo cáo cơ quan đại diện Chủ sở hữu xử lý theo quy định của pháp luật.

e) Trường hợp Công ty là chủ đầu tư đang triển khai, thực hiện dự án đầu tư, xây dựng chưa hình thành tài sản đưa vào khai thác, sử dụng (đầu tư, xây dựng dở dang), nên không tiếp tục đầu tư dự án Công ty được thực hiện chuyển nhượng dự án (chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án) cho nhà đầu tư khác theo quy định Luật đầu tư.

3. Phương thức thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Công ty thực hiện việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định bằng hình thức đấu giá thông qua một tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản hoặc do Công ty

tự tổ chức thực hiện công khai theo đúng trình tự thủ tục, quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

Trường hợp thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại trên sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng. Giám đốc quyết định lựa chọn bán theo phương thức đấu giá hoặc thỏa thuận nhưng không thấp hơn giá thị trường. Trường hợp tài sản cố định không có giao dịch trên thị trường thì được thuê tổ chức có chức năng xác định giá làm cơ sở bán tài sản theo phương thức trên.

Trường hợp chuyển nhượng tài sản cố định gắn liền với đất phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Trình tự, thủ tục thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Chủ tịch Công ty quyết định thành lập Hội đồng thanh lý, nhượng bán tài sản cố định tại Công ty. Thành phần Hội đồng gồm: Giám đốc (hoặc Phó Giám đốc được ủy quyền), Kế toán trưởng, các Trưởng phòng có liên quan, đại diện Ban Chấp hành công đoàn cơ sở tại Công ty và một số chuyên gia am hiểu về tính năng kỹ thuật của tài sản cố định (nếu cần).

Hội đồng thanh lý, nhượng bán tài sản cố định của Công ty có nhiệm vụ:

- + Xác định thực trạng về kỹ thuật, giá trị còn lại của tài sản thanh lý, nhượng bán.

- + Xác định nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan đến trường hợp tài sản cố định mới đầu tư không mang lại hiệu quả kinh tế phải nhượng bán nhưng không có khả năng thu hồi đủ vốn đầu tư, tài sản chưa khấu hao hết đã hư hỏng không thể sửa chữa được phải thanh lý, nhượng bán để báo cáo chủ sở hữu Công ty theo quy định.

- + Đề xuất Chủ tịch Công ty việc tổ chức xác định hoặc thuê tổ chức có đủ chức năng thẩm định giá để xác định giá trị của tài sản thanh lý, nhượng bán.

- + Đề xuất Chủ tịch Công ty tổ chức bán đấu giá hoặc thuê tổ chức có đủ chức năng bán đấu giá tài sản thanh lý, nhượng bán.

- + Hội đồng thanh lý, nhượng bán tài sản tự kết thúc hoạt động sau khi hoàn tất việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định của Công ty.

Trường hợp khi Công ty thực hiện dự án đầu tư xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Công ty phải dỡ bỏ hoặc hủy bỏ tài sản cố định cũ thì việc thanh lý và hạch toán tài sản cố định cũ khi dỡ bỏ hoặc hủy bỏ của Công ty thực hiện như đối với trường hợp thanh lý tài sản cố định quy định tại Điều này.

Điều 17. Cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản

1. Công ty có quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của Công ty đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của pháp luật, trong đó:

- a) Chủ tịch Công ty quyết định từng hợp đồng cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản có giá trị dưới 50% vốn chủ sở hữu ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định cho thuê, thế

chấp, cầm cố tài sản nhưng giá trị còn lại của tài sản cho thuê, thế chấp, cầm cố không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công.

Vốn chủ sở hữu ghi trên bảng cân đối kế toán trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp nhà nước được xác định không bao gồm chỉ tiêu “nguồn kinh phí và quỹ khác”.

Chủ tịch Công ty phân cấp cho Giám đốc Công ty quyết định các hợp đồng cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty.

b) Trường hợp các hợp đồng cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản trên mức quy định tại điểm a khoản này; Chủ tịch công ty báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định trước khi ký các hợp đồng cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản.

2. Việc sử dụng tài sản để cho thuê, thế chấp, cầm cố phải tuân theo đúng các quy định của Bộ luật dân sự và các quy định khác của pháp luật.

Điều 18. Thuê tài sản hoạt động

1. Công ty được thuê tài sản (bao gồm cả hình thức thuê tài chính) để phục vụ hoạt động kinh doanh phù hợp với nhu cầu của Công ty và đảm bảo kinh doanh có hiệu quả.

2. Việc thuê và sử dụng tài sản thuê phải tuân theo đúng quy định của Bộ luật dân sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 19. Chuyển nhượng các khoản đầu tư vốn ra ngoài Công ty

Việc nhượng bán các khoản đầu tư vốn ra ngoài Công ty thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các quy định hiện hành của pháp luật, trong đó:

1. Phương thức chuyển nhượng

Tùy theo hình thức góp vốn, Công ty thực hiện chuyển nhượng các khoản đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp có vốn góp và các cam kết tại các hợp đồng hợp tác kinh doanh của các bên. Việc chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

2. Chủ tịch Công ty quyết định chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty sau khi cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định chủ trương.

3. Trường hợp giá trị chuyển nhượng thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán của Công ty sau khi đã bù trừ dự phòng tổn thất vốn đầu tư thì Công ty báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định.

4. Tiền thu về chuyển nhượng các khoản vốn đầu tư ra ngoài Công ty thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 20. Quản lý tài sản của khách hàng và các quỹ dự phòng

1. Đối với những tài sản Công ty đi thuê, nhận cầm cố, nhận thế chấp, ký

quỹ, nhận bảo quản giữ hộ của khách hàng, Công ty chịu trách nhiệm quản lý bảo quản hoặc sử dụng theo thỏa thuận với khách hàng đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Đối với quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng trong hoạt động xổ số, Công ty thực hiện trích lập và sử dụng theo quy định hiện hành.

3. Đối với dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng nợ các khoản phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn... Công ty thực hiện trích lập và sử dụng dự phòng theo chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 21. Quản lý các khoản nợ phải thu

1. Trách nhiệm của Công ty

a) Xây dựng và ban hành quy chế quản lý các khoản nợ phải thu, phân công và xác định rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi, thanh toán các khoản nợ;

b) Mở sổ theo dõi các khoản nợ theo từng đối tượng nợ, thường xuyên phân loại các khoản nợ (nợ luân chuyển, nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi), đôn đốc thu hồi nợ;

c) Khi xác định là nợ phải thu khó đòi, Công ty phải trích lập dự phòng đối với khoản nợ phải thu khó đòi theo quy định của Bộ Tài chính;

d) Khi có phát sinh nợ phải thu không có khả năng thu hồi, Công ty phải xác định rõ nguyên nhân khách quan hay chủ quan. Đối với nguyên nhân chủ quan, Công ty có trách nhiệm xử lý bồi thường của cá nhân, tập thể có liên quan. Đối với nguyên nhân khách quan, Chủ tịch, Giám đốc Công ty, Hội đồng xử lý nợ Công ty phải xác định rõ nguyên nhân và có biên bản xác nhận để làm cơ sở xử lý; nếu xác định các khoản nợ này có liên quan đến hoạt động kinh doanh thì Công ty được bù đắp bằng khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi; nếu còn thiếu thì hạch toán vào chi phí kinh doanh của Công ty;

đ) Nợ không có khả năng thu hồi sau khi xử lý như trên, Công ty vẫn phải theo dõi trên tài khoản ngoài Bảng cân đối kế toán và tổ chức thu hồi. Số tiền thu hồi được hạch toán vào thu nhập của Công ty.

2. Quyền hạn của Công ty

Công ty được quyền bán các khoản nợ phải thu quá hạn, nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu không đòi được để thu hồi vốn. Công ty chỉ được bán nợ cho các tổ chức kinh tế có chức năng kinh doanh mua bán nợ, không được bán nợ trực tiếp cho khách nợ. Giá bán các khoản nợ do các bên tự thỏa thuận và tự chịu trách nhiệm về quyết định bán khoản nợ phải thu. Trường hợp bán nợ mà dẫn tới Công ty bị thua lỗ, mất vốn, hoặc mất khả năng thanh toán, dẫn đến tình trạng Công ty phải giải thể, phá sản thì Chủ tịch Công ty và người có liên quan trực tiếp đến việc phát sinh các khoản nợ này phải bồi thường và bị xử lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty.

Điều 22. Quản lý hàng tồn kho

1. Hàng tồn kho chủ yếu của Công ty là vé xổ số, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho hoặc đã mua đang đi trên đường, sản phẩm dở dang đang trong quá trình gia công sản xuất, sản phẩm hoàn thành nhưng chưa nhập kho, thành phẩm tồn kho, thành phẩm đang gửi bán.

2. Công ty có quyền và chịu trách nhiệm xử lý ngay những hàng hóa tồn kho kém, mất phẩm chất, lạc hậu mốt, lạc hậu kỹ thuật, ứ đọng, chậm luân chuyển để thu hồi vốn.

3. Cuối kỳ kế toán, nếu giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì Công ty phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật hiện hành.

4. Công cụ, dụng cụ lao động có giá trị từ 3 triệu đồng trở lên sau khi đã phân bổ hết giá trị vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty từ 1 đến 3 năm mà vẫn còn sử dụng được thì Công ty phải tiếp tục mở sổ theo dõi chi tiết để quản lý.

Điều 23. Kiểm kê tài sản

1. Công ty phải tổ chức kiểm kê thực tế định kỳ hoặc đột xuất để xác định số lượng tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng của Công ty, đối chiếu các khoản công nợ phải thu, phải trả trong các trường hợp: Khi khóa sổ kế toán để lập Báo cáo tài chính năm; khi thực hiện quyết định chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản chuyển đổi sở hữu; sau khi xảy ra thiên tai, địch họa; hoặc vì lý do nào đó gây ra biến động tài sản của Công ty; các trường hợp khác theo quy định của cấp có thẩm quyền. Thống kê tài sản thừa, thiếu, nợ không thu hồi được, nợ quá hạn; xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tổ chức và cá nhân có liên quan và xác định mức bồi thường vật chất theo quy định.

2. Xử lý kiểm kê

a) Xử lý tài sản tổn thất sau kiểm kê

Tổn thất về tài sản bị mất mát, thiếu hụt, hư hỏng, kém mất phẩm chất, lạc hậu kỹ thuật, tồn kho ứ đọng được xác định trong kiểm kê định kỳ và kiểm kê đột xuất. Chủ tịch Công ty quyết định thành lập Hội đồng xử lý tài sản tổn thất sau kiểm kê. Thành phần Hội đồng gồm: Giám đốc (hoặc phó Giám đốc được ủy quyền), Kế toán trưởng, các Trưởng phòng có liên quan và một số chuyên gia am hiểu về tính năng kỹ thuật của tài sản, hàng hóa (nếu cần). Hội đồng có trách nhiệm xác định giá trị đã bị tổn thất, nguyên nhân, trách nhiệm và đề xuất xử lý như sau:

(i) Nếu do nguyên nhân chủ quan thì tập thể, cá nhân gây ra tổn thất phải bồi thường, xử lý theo quy định của pháp luật. Chủ tịch Công ty quyết định mức bồi thường theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

(ii) Tài sản đã mua bảo hiểm nếu tổn thất thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.

(iii) Giá trị tài sản tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm, phần thiếu được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

(iv) Những trường hợp đặc biệt do thiên tai hoặc do nguyên nhân bất khả kháng gây thiệt hại nghiêm trọng, Công ty không thể tự khắc phục được thì Chủ tịch Công ty lập phương án xử lý tổn thất trình Chủ sở hữu và cơ quan tài chính có thẩm quyền. Việc xử lý tổn thất theo quyết định của Chủ sở hữu.

(v) Công ty có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản tổn thất tài sản, trường hợp để các khoản tổn thất tài sản không được xử lý thì Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu như trường hợp báo cáo không trung thực tình hình tài chính Công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật về vi phạm gây tổn thất tài sản của Công ty.

b) Tài sản thừa sau kiểm kê

Tài sản thừa sau kiểm kê là chênh lệch giữa số tài sản thực tế kiểm kê với số tài sản ghi trên sổ sách kế toán, giá trị tài sản thừa do kiểm kê.

Trường hợp kết quả kiểm kê thừa tài sản so với số tài sản đã ghi vào sổ sách kế toán, Công ty phải xác định rõ nguyên nhân thừa tài sản, đối với tài sản thừa không phải trả lại được hạch toán vào thu nhập khác của Công ty; đối với tài sản thừa chưa xác định rõ nguyên nhân thì phải chờ quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền, đồng thời Công ty tạm hạch toán vào phải trả, phải nộp khác; trường hợp giá trị tài sản thừa đã xác định được nguyên nhân và được cơ quan có thẩm quyền quyết định xử lý thì Công ty căn cứ quyết định xử lý để hạch toán cho phù hợp.

Điều 24. Đánh giá lại tài sản

1. Công ty thực hiện đánh giá lại tài sản:

- a) Theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- b) Thực hiện chuyển đổi sở hữu Công ty.
- c) Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài Công ty.
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc đánh giá lại tài sản phải theo đúng các quy định của Nhà nước, các khoản chênh lệch tăng giảm giá trị do đánh giá lại tài sản thực hiện theo quy định của Nhà nước đối với từng trường hợp cụ thể.

Mục 3

DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Điều 25. Doanh thu và thu nhập khác

1. Doanh thu và thu nhập khác của Công ty được xác định phù hợp với các chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật hiện hành.

2. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính, trong đó:

a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ gồm:

(i) Doanh thu từ hoạt động kinh doanh xổ số: Là toàn bộ số tiền bán vé các loại hình xổ số truyền thống, xổ số lô tô thủ công và xổ số biết kết quả ngay đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ.

Doanh thu kinh doanh xổ số được xác định dưới hai hình thức: Doanh thu chưa có thuế (chưa có thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt) để xác định kết quả kinh doanh của Công ty; Doanh thu có thuế (gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt) để làm cơ sở chi hoa hồng đại lý, trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng, chi phòng chống số đề, làm vé số giả ...

(ii) Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh xổ số được pháp luật cho phép.

b) Doanh thu từ hoạt động tài chính bao gồm các khoản thu phát sinh tiền lãi từ việc cho vay vốn, lãi tiền gửi, lãi cho thuê tài chính, đầu tư công trái, trái phiếu, tín phiếu; lợi nhuận, cổ tức được chia từ việc đầu tư ra ngoài Công ty...

3. Thu nhập khác là các khoản thu từ các hoạt động không thường xuyên bao gồm: Thu về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu tiền bảo hiểm được bồi thường, các khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng và các khoản thu nhập khác theo quy định của chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật hiện hành.

Doanh thu và thu nhập khác để xác định nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Điều 26. Chi phí hoạt động kinh doanh

Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty là các khoản chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh trong năm tài chính. Việc xác định chi phí để xác định nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác đối với Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật khác có liên quan.

Ngoài các khoản chi phí được xác định là khoản chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh theo chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Công ty được tính vào chi phí được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp đối với một số khoản chi phí đặc thù sau:

1. Chi phí trả thưởng

Đối với các loại hình xổ số truyền thống, xổ số lô tô thủ công và xổ số biết kết quả ngay là số tiền thực tế trả cho người trúng thưởng đối với các vé xổ số trúng thưởng theo quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số.

2. Chi hoa hồng đại lý cho các đại lý xổ số

a) Hoa hồng đại lý là số tiền mà Công ty trả cho đại lý xổ số để các đại lý này bán vé số.

b) Mức chi hoa hồng đại lý cho các đại lý xổ số do Công ty quyết định, đảm bảo nguyên tắc không được vượt quá mức quy định của Bộ Tài chính và được ghi cụ thể trong hợp đồng giữa Công ty với đại lý xổ số.

c) Công ty chỉ thanh toán tiền hoa hồng cho đại lý xổ số sau khi đã hoàn tất việc xác nhận số lượng vé xổ số đại lý đó đã tiêu thụ được trong kỳ. Công ty xác định số tiền hoa hồng và được đại lý ký xác nhận. Hoa hồng đại lý được khấu trừ vào công nợ bán vé cùng với việc khi xác định số tiền còn lại mà đại lý có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty hoặc được Công ty chi trả bằng tiền mặt sau khi đại lý thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ kinh tế ghi trong hợp đồng giữa đại lý với Công ty.

d) Công ty có trách nhiệm khấu trừ tiền thuế phải nộp của các đại lý xổ số trước khi thanh toán tiền cho đại lý xổ số theo quy định của pháp luật thuế.

3. Chi phí ủy quyền trả thưởng cho đại lý xổ số

a) Công ty có trách nhiệm thực hiện chi ủy quyền trả thưởng cho đại lý xổ số.

b) Mức chi phí ủy quyền trả thưởng cho đại lý xổ số theo quy định của Bộ Tài chính và được ghi trong hợp đồng giữa Công ty với đại lý xổ số.

c) Căn cứ chi là hợp đồng đại lý đã ký giữa Công ty với đại lý xổ số, trong đó phải có điều khoản quy định việc ủy quyền trả thưởng và các chứng từ khác chứng minh đại lý xổ số đã thanh toán giải thưởng cho khách hàng.

d) Công ty chịu trách nhiệm yêu cầu đại lý nộp hoặc khấu trừ tiền thuế TNCN phải nộp của các đại lý xổ số theo quy định trước khi thanh toán chi phí ủy quyền trả thưởng cho đại lý.

đ) Đại lý được ủy quyền trả thưởng không được thu bất cứ khoản phí nào của khách hàng trúng thưởng.

4. Chi phí quay số mở thưởng và chi thù lao cho công tác giám sát của Hội đồng/Ban giám sát xổ số

a) Chi phí quay số mở thưởng bao gồm chi phí mua hoặc thuê ngoài phục vụ cho công tác quay số mở thưởng.

b) Chi thù lao cho các thành viên Hội đồng/Ban giám sát xổ số theo định mức thù lao do Chủ sở hữu Công ty phê duyệt trên cơ sở đề xuất của Công ty. Căn cứ để thanh toán thù lao cho các thành viên Hội đồng/Ban giám sát xổ số là định mức thù lao và số ngày công, số buổi thực tế tham gia giám sát xổ số của từng thành viên, được xác định theo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với thời gian về nội dung công việc thực hiện, nâng cao trách nhiệm của các thành viên trong việc thực thi nhiệm vụ giám sát.

5. Chi phí hỗ trợ công tác phòng chống số đề, làm vé số giả

a) Nguyên tắc chi

- Hỗ trợ trực tiếp cho cơ quan Công an và các cơ quan có liên quan tại địa phương hoặc trên địa bàn tổ chức hoạt động kinh doanh để thực hiện công tác

điều tra, khám phá, thụ lý các vụ án số đề, làm vé số giả.

- Phù hợp với khả năng tài chính của Công ty.
- Có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định pháp luật.
- Căn cứ chi là các bản sao bản án của Tòa án nhân dân, quyết định khởi tố vụ án hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính và biên lai nộp tiền phạt.
- Cơ quan Công an và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm phân phối tiền hỗ trợ cho các đơn vị, cá nhân có thành tích một cách công khai, minh bạch tùy thuộc vào tính chất phức tạp của vụ án, số lượng người, đơn vị tham gia và thời gian điều tra vụ án.

b) Thủ tục và phương thức chi

(i) Đối với các vụ án đã có bản án của Tòa án nhân dân:

Căn cứ chi hỗ trợ gồm các giấy tờ sau:

- + Công văn đề nghị chi hỗ trợ chống số đề, làm vé số giả của cơ quan công an thực hiện điều tra, khám phá chính của vụ án;
- + Bản sao Biên bản bắt người phạm tội quả tang;
- + Bản sao Quyết định khởi tố vụ án của cơ quan cảnh sát điều tra;
- + Bản sao bản án của Tòa án các cấp xét xử các vụ án số đề, làm vé số giả trên địa bàn hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) Đối với các vụ việc đã có quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

Căn cứ chi hỗ trợ gồm các giấy tờ sau:

- + Công văn đề nghị chi hỗ trợ chống số đề, làm vé số giả của cơ quan công an thực hiện điều tra, xử phạt hành chính;
- + Bản sao Biên bản bắt người phạm tội quả tang;
- + Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan cảnh sát điều tra;
- + Bản sao Biên lai thu tiền nộp phạt đối với người vi phạm hành chính.

Công ty thực hiện chi hỗ trợ công tác phòng chống số đề, làm vé số giả qua một đầu mối là cơ quan công an trực tiếp thực hiện công tác phát hiện, điều tra, khám phá chính của vụ án đó.

c) Mức chi và tổng mức chi

Căn cứ vào điều kiện kinh doanh thực tế của mình, Công ty trình Chủ sở hữu phê duyệt nội dung và mức chi hỗ trợ cụ thể đối với các vụ án số đề, làm vé số giả đã được đưa ra xét xử hoặc các vụ xử phạt vi phạm hành chính về số đề, làm vé số giả nhưng đảm bảo mức chi và tổng mức chi hỗ trợ cho công tác phòng chống số đề, làm vé số giả trong năm tài chính không được vượt mức tối đa do Bộ Tài chính quy định.

6. Chi phí trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng

Công ty thực hiện trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng theo đúng quy

định của Bộ Tài chính.

a) Nguyên tắc trích lập:

+ Công ty chỉ được phép trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng đối với loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh áp dụng phương thức trả thưởng cố định theo quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số.

+ Tại thời điểm trích lập, Công ty không bị lỗ và có tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch theo quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số. Tỷ lệ trả thưởng thực tế trong kỳ được xác định:

$$\text{Tỷ lệ trả thưởng thực tế} = \frac{\text{Tổng chi phí trả thưởng thực tế đã thanh toán trong kỳ}}{\text{Tổng doanh thu có thuế phát sinh trong kỳ}} \times 100\%$$

+ Tại thời điểm trích lập, tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng của Công ty tối đa không được vượt quá 10% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập.

b) Mức trích lập của từng loại hình xổ số được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Dự phòng} \\ \text{rủi ro trả} \\ \text{thưởng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng doanh thu có} \\ \text{thuế của từng loại} \\ \text{hình xổ số trong} \\ \text{kỳ trích lập} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ trả thưởng kế} \\ \text{hoạch trong kỳ trích lập} \\ \text{theo quy định đối với} \\ \text{từng loại hình xổ số} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Tổng giá trị trả thưởng thực tế đã} \\ \text{thanh toán cho khách hàng trúng} \\ \text{thưởng của từng loại hình xổ số} \\ \text{trong kỳ trích lập thuộc trách} \\ \text{nhiệm chi trả của Công ty.} \end{array}$$

c) Công ty được tạm trích lập theo quý và thực hiện quyết toán khi kết thúc năm tài chính nếu đủ điều kiện trích lập theo nguyên tắc trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng.

d) Công ty sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng để trả thưởng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong kỳ lớn hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau. Nếu số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng đã trích lập trong kỳ vượt giới hạn quy định theo nguyên tắc trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng thì Công ty phải hoàn nhập vào thu nhập khác.

7. Chi phí về vé xổ số

Bao gồm chi phí tiền giấy in vé xổ số, tiền công in vé xổ số hoặc chi phí in vé xổ số theo giá thanh toán thực tế với cơ sở in, chi phí bao bì vé, chi phí gia công vé, chi phí vận chuyển, xếp dỡ, bảo quản, phụ phí hợp lệ (nếu có),...

8. Chi phí thông tin vé xổ số và quay số mở thưởng, kết quả mở thưởng

Chi phí thông tin vé xổ số, quay số mở thưởng và kết quả mở thưởng là các khoản chi để đưa thông tin kết quả mở thưởng trên đài phát thanh, truyền hình và các phương tiện thông tin đại chúng khác, chi phí in tờ rơi về thể lệ trả thưởng, kết quả mở thưởng phục vụ khách hàng và đại lý. Căn cứ chi là hóa đơn, chứng từ

hợp lệ theo chế độ quy định của pháp luật về thuế.

9. Chi phí đóng góp hoạt động của Hội đồng xỏ số kiến thiết khu vực

a) Mức đóng góp tối đa là 60 triệu đồng/năm/công ty (05 triệu đồng/tháng).
Mức đóng góp cụ thể của từng công ty xỏ số do Hội đồng xỏ số kiến thiết khu vực quy định theo thỏa thuận của Hội đồng.

b) Các khoản chi phải có chứng từ hợp lý, hợp lệ.

Điều 27. Quản lý doanh thu, thu nhập khác và chi phí của Công ty

1. Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu Công ty và trước pháp luật trong việc tổ chức quản lý chặt chẽ, đảm bảo tính đúng đắn, trung thực và hợp pháp của các khoản doanh thu, thu nhập khác và chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Toàn bộ doanh thu, thu nhập khác và chi phí phát sinh trong hoạt động kinh doanh của Công ty phải có đầy đủ hồ sơ, chứng từ theo quy định của pháp luật và phản ánh đầy đủ trong sổ kế toán của Công ty theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

3. Doanh thu, thu nhập khác và chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty được xác định bằng đồng Việt Nam.

4. Công ty phải tính đúng, tính đủ chi phí hoạt động kinh doanh, tự trang trải mọi khoản chi phí bằng các khoản thu của Công ty và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh.

5. Việc xác định doanh thu, thu nhập và chi phí để xác định nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác đối với Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật khác có liên quan.

Mục 4

LỢI NHUẬN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 28. Lợi nhuận thực hiện

1. Lợi nhuận thực hiện trong năm của Công ty là tổng của lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận hoạt động khác.

2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bao gồm: Chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và doanh thu từ hoạt động tài chính với tổng chi phí hoạt động kinh doanh phát sinh trong kỳ (không gồm chi phí khác).

3. Lợi nhuận hoạt động khác là chênh lệch giữa thu nhập khác với chi phí khác phát sinh trong kỳ.

Điều 29. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ

Lợi nhuận của Công ty được xác định theo quy định của pháp luật về kế toán sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp

luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, phần lợi nhuận còn lại được phân phối như sau:

1. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định.

2. Lợi nhuận còn lại sau khi trừ đi quy định tại khoản 1 điều này được phân phối như sau:

a) Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển

Khi Công ty đã được chủ sở hữu Công ty đầu tư đủ vốn điều lệ thì không được trích bổ sung quỹ đầu tư phát triển nữa.

b) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi

(i) Công ty xếp loại A được trích 3 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

(ii) Công ty xếp loại B được trích 1,5 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

(iii) Công ty xếp loại C được trích 01 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

(iv) Công ty không thực hiện xếp loại thì không được trích lập hai quỹ khen thưởng, phúc lợi.

Chủ tịch Công ty quyết định việc phân bổ quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi sau khi thống nhất ý kiến của Ban chấp hành Công đoàn cơ sở Công ty.

c) Trích quỹ thưởng Người quản lý Công ty, Kiểm soát viên Công ty:

(i) Công ty xếp loại A được trích 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý công ty, kiểm soát viên;

(ii) Công ty xếp loại B được trích 01 tháng lương thực hiện của người quản lý công ty, kiểm soát viên;

(iii) Công ty xếp loại C hoặc Công ty không thực hiện xếp loại thì không được trích lập quỹ thưởng Người quản lý công ty, kiểm soát viên.

d) Trường hợp số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập quỹ đầu tư phát triển quy định tại điểm a khoản này mà không đủ nguồn để trích các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng Người quản lý, Kiểm soát viên Công ty theo mức quy định thì Công ty được giảm trừ phần lợi nhuận trích lập quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn trích lập đủ quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Người quản lý, Kiểm soát viên Công ty theo mức quy định, nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào Quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính.

3. Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ quy định tại khoản 2 Điều này được nộp về ngân sách nhà nước theo quy định.

4. Công ty không được sử dụng lợi nhuận còn lại sau thuế để chi thưởng hoặc hoa hồng đại lý vượt quá mức tối đa theo quy định pháp luật.

5. Căn cứ để trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý công ty, kiểm soát viên xác định như sau:

a) Về xếp loại công ty A, B, C làm căn cứ trích lập các quỹ thực hiện theo quy định của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước và Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

b) Về tiền lương tháng thực hiện làm căn cứ trích lập các quỹ

(i) Đối với trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi: căn cứ quỹ tiền lương thực hiện trong năm tài chính của người lao động của Công ty được xác định theo quy định chia (:) cho 12 tháng.

(ii) Đối với trích quỹ thưởng Người quản lý công ty, kiểm soát viên: căn cứ quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của Người quản lý công ty (chuyên trách và không chuyên trách) được xác định theo quy định chia (:) cho 12 tháng.

Điều 30. Quản lý và sử dụng các quỹ

Trong năm tài chính, Công ty chủ động thực hiện tạm trích các quỹ trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty có lãi và đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định để có nguồn chi sử dụng quỹ theo mục đích đã quy định.

Công ty phải xây dựng, ban hành Quy chế quản lý sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật để áp dụng trong nội bộ Công ty; quy chế đảm bảo dân chủ, minh bạch có sự tham gia của Ban Chấp hành công đoàn cơ sở Công ty và công khai trong Công ty trước khi thực hiện.

Việc quản lý, sử dụng các quỹ của Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ. Cụ thể:

1. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để thực hiện các dự án đầu tư phát triển doanh nghiệp và bổ sung vốn điều lệ cho Công ty.

2. Quỹ khen thưởng được dùng để:

a) Thưởng theo danh hiệu thi đua, thành tích thi đua, định kỳ hàng quý, 6 tháng, hàng năm cho cá nhân, tập thể các phòng, đơn vị trực thuộc Công ty trên cơ sở xếp loại thi đua hàng tháng, hàng năm và các mức khen thưởng theo Quy chế thi đua của Công ty. Không dùng quỹ khen thưởng của Công ty để chi thưởng cho đối tượng là Người quản lý Công ty, Kiểm soát viên Công ty (trừ khoản thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng);

b) Thưởng cho các đề tài lao động sáng tạo, các sáng kiến cải tiến mang lại hiệu quả cho hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Thưởng cho các tập thể, cá nhân trong Công ty nhân các ngày lễ, tết, ngày thành lập Công ty,...;

d) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều

cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty;

đ) Riêng nguồn quỹ khen thưởng không phải trích từ lợi nhuận sau thuế của Công ty được chi cho cả Người quản lý, Kiểm soát viên Công ty;

e) Thưởng các nội dung khác theo sự thống nhất giữa tập thể lãnh đạo Công ty và BCH công đoàn cơ sở Công ty.

Mức thưởng do Giám đốc Công ty quyết định sau khi thống nhất với tập thể Lãnh đạo Công ty và BCH Công đoàn cơ sở Công ty.

3. Quỹ phúc lợi được dùng để:

a) Chi đầu tư xây dựng hoặc mua sắm hoặc sửa chữa tài sản phúc lợi của Công ty;

b) Chi hỗ trợ người lao động Công ty, Người quản lý Công ty, Kiểm soát viên đang làm việc và nghỉ hưu nhân các ngày lễ, Tết, ngày thành lập Công ty;

c) Chi cho các hoạt động phúc lợi: Chi mua quà tặng, quà biếu, hiếu, hỉ, chi thăm hỏi ốm đau...cho các đối tượng có liên quan;

d) Chi cho các hoạt động văn hóa, thể thao, phúc lợi công cộng của tập thể người lao động Công ty;

đ) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;

e) Chi tham quan, nghỉ dưỡng;

g) Chi trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động, Người quản lý, Kiểm soát viên Công ty kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa;

h) Chi cho các hoạt động từ thiện xã hội;

i) Chi hỗ trợ các tổ chức, đoàn thể, cá nhân có liên quan trong và ngoài Công ty;

k) Chi khác theo sự thống nhất giữa tập thể lãnh đạo Công ty và BCH công đoàn cơ sở Công ty;

Mức chi sử dụng quỹ do Giám đốc Công ty quyết định sau khi thống nhất với tập thể Lãnh đạo Công ty và BCH Công đoàn cơ sở Công ty.

4. Quỹ thưởng Người quản lý Công ty, Kiểm soát viên Công ty được dùng để:

a) Thưởng hằng năm; thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ cho Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng Công ty;

b) Mức thưởng hằng năm và thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ do UBND tỉnh quyết định gắn với tiêu chí đánh giá Người quản lý Công ty và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Công ty;

Riêng tiền thưởng của Kiểm soát viên Công ty thực hiện chuyển về Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng do Sở Tài chính quản lý theo Thông tư

105/2021/TT-BTC ngày 25/11/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với trưởng ban kiểm soát, kiểm soát viên tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

c) Trường hợp Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng Công ty được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng thì Công ty sử dụng nguồn quỹ khen thưởng của Công ty để chi thưởng cho các đối tượng nêu trên theo mức thưởng mà pháp luật về thi đua khen thưởng đã quy định đối với từng hình thức thi đua, khen thưởng.

Mục 5

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, THỐNG KÊ VÀ KIỂM TOÁN

Điều 31. Kế hoạch tài chính

1. Căn cứ vào định hướng chiến lược, quy hoạch phát triển kinh doanh của Công ty đã được Chủ sở hữu phê duyệt, Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính dài hạn phù hợp với định hướng của Công ty đã được Chủ sở hữu quyết định.

2. Hằng năm, căn cứ kế hoạch kinh doanh dài hạn, năng lực và thị trường, Giám đốc Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh năm tiếp theo trình Chủ tịch Công ty phê duyệt và báo cáo Chủ sở hữu Công ty, Sở Tài chính.

3. Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh được Chủ tịch Công ty quyết định, Công ty thực hiện đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của năm báo cáo và lập kế hoạch tài chính cho năm tiếp theo gửi Chủ sở hữu Công ty, Sở Tài chính trước ngày 31 tháng 7 hàng năm để xem xét phê duyệt.

4. Chủ sở hữu chủ trì phối hợp với Sở Tài chính rà soát lại kế hoạch tài chính do Công ty lập và có ý kiến chỉnh thức bằng văn bản để Công ty hoàn chỉnh kế hoạch tài chính. Kế hoạch tài chính sau khi hoàn chỉnh là kế hoạch chính thức làm cơ sở cho Chủ sở hữu và Sở Tài chính giám sát, đánh giá, quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 32. Chế độ kế toán, thống kê, kiểm toán

1. Công ty tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật hiện hành; lập, ghi chép chứng từ ban đầu, cập nhật sổ sách kế toán, đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính. Báo cáo tài chính năm của Công ty phải được kiểm toán trước khi nộp cho cơ quan nhà nước và trước khi công bố thông tin.

2. Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Điều 33. Chế độ báo cáo và tổng hợp báo cáo

1. Công ty thực hiện chế độ lập, trình bày, gửi các báo cáo (định kỳ, đột

xuất) đến cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

a) Báo cáo định kỳ, gồm:

- Báo cáo tài chính: cuối kỳ kế toán quý, năm. Công ty phải thực hiện lập báo cáo tài chính quý, năm dạng đầy đủ. Biểu mẫu, thời hạn nộp và nơi nhận báo cáo, Công ty thực hiện theo quy định hiện hành.

- Báo cáo một số chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán:

Khi lập báo cáo tài chính quý, năm, Công ty lập báo cáo một số chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán của báo cáo tài chính quý, năm. Thời hạn nộp và nơi nhận báo cáo cùng với thời hạn nộp và nơi nhận báo cáo tài chính của Công ty. Biểu mẫu báo cáo thực hiện theo quy định.

b) Ngoài các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê được lập, gửi cho các cơ quan quản lý nhà nước và thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành, định kỳ hàng quý, kết thúc năm, Công ty phải lập và gửi các báo cáo đặc thù đối với hoạt động xổ số theo Nghị định số 122/2017/NĐ-CP, bao gồm các báo cáo sau:

- Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh (mẫu số 01/BCXS);

- Báo cáo tình hình tiêu thụ vé (mẫu số 02/BCXS);

- Báo cáo tình hình thực hiện kỳ hạn nợ và đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của đại lý xổ số (mẫu số 03/BCXS);

- Báo cáo tình hình chi trả hoa hồng đại lý xổ số và chi ủy quyền trả thưởng của đại lý xổ số (mẫu số 04/BCXS);

- Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước (mẫu số 05/BCXS).

2. Công ty thực hiện gửi các báo cáo đến cơ quan nhận báo cáo theo đường văn thư, đồng thời gửi các báo cáo thông qua việc truy cập vào hệ thống thông tin quản lý tài chính doanh nghiệp trên website tại địa chỉ: <https://taichinhdoanhnghiep.mof.gov.vn/> theo quy định.

3. Trường hợp Chủ sở hữu và Bộ Tài chính có yêu cầu thực hiện báo cáo đột xuất, Công ty phải thực hiện việc lập và gửi báo cáo theo yêu cầu.

4. Chủ tịch công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.

Điều 34. Công bố thông tin của Công ty

1. Việc công bố thông tin của Công ty phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật nhằm bảo đảm yêu cầu công khai, minh bạch về hoạt động của Công ty; bảo đảm tính hiệu quả, hiệu lực trong hoạt động quản lý và giám sát của cơ quan nhà nước và xã hội.

2. Việc công bố thông tin do người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Trường hợp thực hiện

công bố thông tin thông qua người được ủy quyền, Công ty phải gửi Giấy ủy quyền theo quy định đến cơ quan đại diện chủ sở hữu và Bộ Kế hoạch và Đầu tư; đồng thời công khai nội dung này trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, trung thực và chính xác của thông tin được công bố.

3. Báo cáo công bố thông tin được xây dựng theo đúng mẫu quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật doanh nghiệp và được chuyển sang dữ liệu dưới dạng điện tử (định dạng file là PDF, Word, Exel). Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại báo cáo nêu tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP. Ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin là tiếng Việt.

4. Báo cáo công bố thông tin qua mạng điện tử của Công ty có giá trị pháp lý như bản giấy, là cơ sở đối chiếu, so sánh, xác thực thông tin phục vụ cho công tác thu thập, tổng hợp thông tin; kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

5. Báo cáo công bố thông tin phải được duy trì trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổng hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan đại diện chủ sở hữu và Cổng thông tin doanh nghiệp tối thiểu 05 năm. Công ty công bố thông tin thực hiện việc bảo quản, lưu trữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Chế độ lưu trữ tài liệu

Việc lưu trữ chứng từ, hồ sơ, tài liệu của Công ty được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về kế toán, thống kê và các quy định của pháp luật liên quan.

Mục 6

GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 36. Giám sát đánh giá hiệu quả hoạt động Công ty

1. Công ty thực hiện giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính theo Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 6/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước; Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước và Thông tư số 77/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt

động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

2. Căn cứ các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động, Công ty thực hiện việc đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại Công ty và báo cáo Chủ sở hữu Công ty, Sở Tài chính đúng quy định.

3. Việc công khai thông tin tài chính của Công ty được thực hiện sau khi đã được kiểm toán (nếu có) trên trang thông tin điện tử của Công ty, các báo cáo bằng văn bản đến Chủ sở hữu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và công khai tại Hội nghị người lao động hàng năm của Công ty.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY, GIÁM ĐỐC CÔNG TY, KẾ TOÁN TRƯỞNG TRONG VIỆC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 37. Trách nhiệm của Chủ tịch Công ty

1. Tuân thủ điều lệ Công ty, quyết định của Chủ sở hữu công ty và quy định của pháp luật;

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty và Nhà nước;

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và Nhà nước, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về doanh nghiệp mà mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối doanh nghiệp mà người có liên quan của mình làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được tập hợp và lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

5. Chịu trách nhiệm cá nhân thực hiện các hành vi sau đây:

- a) Lợi dụng danh nghĩa Công ty thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của Công ty và gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn khi nguy cơ rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 38. Trách nhiệm của Giám đốc Công ty

1. Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, phương án kinh doanh, kế hoạch đầu tư của Công ty;

2. Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết, quyết định của Chủ tịch Công ty và của Chủ sở hữu Công ty;

3. Quyết định các công việc hàng ngày của Công ty;
4. Ban hành quy chế quản lý nội bộ của Công ty đã được Chủ tịch Công ty chấp thuận;
5. Bổ nhiệm, thuê, miễn nhiệm, cách chức, chấm dứt hợp đồng lao động đối với các chức danh quản lý theo phân cấp thẩm quyền, chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty;
6. Ký kết hợp đồng, giao dịch nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty;
7. Lập và trình Chủ tịch công ty báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm về kết quả thực hiện mục tiêu kế hoạch kinh doanh; báo cáo tài chính;
8. Kiến nghị phân bổ, sử dụng lợi nhuận sau thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty;
9. Tuyển dụng lao động;
10. Kiến nghị phương án tổ chức lại Công ty;
11. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 39. Trách nhiệm của Kế toán trưởng.

1. Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong Công ty;
2. Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật Kế toán;
3. Lập báo cáo tài chính tuân thủ chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán;
4. Tham mưu cho Giám đốc phân tích hoạt động quản trị tài chính kế toán, hoàn thiện chế độ hạch toán kế toán tài chính theo yêu cầu quản lý của Công ty.

Điều 40. Xử lý vi phạm

1. Các cá nhân, tập thể có hành vi vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý. Nếu vi phạm pháp luật thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.
2. Đối với các khoản chi không đúng chế độ, cá nhân nào quyết định chi sai phải bồi hoàn các thiệt hại cho Công ty, các khoản chi vượt định mức được duyệt phải xác định rõ trách nhiệm và trình Chủ tịch Công ty xử lý. Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm về các quyết định xử lý của mình.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 41. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm có 4 Chương, 41 Điều và có hiệu lực thi hành từ ngày

ký.

2. Công ty chịu trách nhiệm tổ chức quản lý các hoạt động tài chính của Công ty theo quy định tại Quy chế này.

3. Những nội dung liên quan đến quản lý các hoạt động tài chính của Công ty không được quy định tại Quy chế này thì được thực hiện theo những quy định hiện hành của Nhà nước có liên quan.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung quy chế, Công ty có trách nhiệm báo cáo kịp thời cho Chủ sở hữu để xem xét, có hướng dẫn cụ thể./.